

CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN VÀ ASEAN VỚI CÁC ĐỐI TÁC NGOÀI KHỎI ASEAN

Một trong những thành tựu đầu tiên của Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế là gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1995. Là thành viên của ASEAN, Việt Nam đã đón nhận nhiều cơ hội hơn trong quá trình phát triển, hội nhập của mình, không chỉ trong các quan hệ song phương với các nước trong ASEAN mà với cả các quốc gia, tổ chức ngoài ASEAN. Cho tới năm 2015, trong khu vực ASEAN, Việt Nam đã tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương, gồm: các hiệp định trong khuôn khổ khu vực mậu dịch tự do ASEAN, đặc biệt là Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) năm 2010, Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) năm 2004, Hiệp định tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) năm 2006, Hiệp định tự do thương mại ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) năm 2008, Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Ôxtraylia -Niu Dilan (AANZFTA) năm 2009, Hiệp định tự do thương mại tự do ASEAN-Ấn Độ (AIFTA) năm 2010. Nhìn chung, đây là những hiệp định toàn diện, chứa đựng các quy tắc căn bản về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ đầu tư và các hoạt động hợp tác kinh tế khác.

Trong đó, quan trọng nhất là các cam kết về lộ trình giảm thuế, tiến tới loại bỏ phần lớn thuế nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước đối tác. Liên quan đến ASEAN và các đối tác ngoài khối, hiện nay, ASEAN cùng Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ôxtraylia, Niu Dilan và Trung Quốc đang tích cực đàm phán Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP). Khi RCEP được ký kết sẽ tạo ra cam kết về hợp tác kinh tế sâu, rộng hơn so với các cam kết hiện có giữa ASEAN và các đối tác này.

1. Các hiệp định thương mại tự do của ASEAN trong khuôn khổ thực hiện AFTA

Với mục tiêu biến ASEAN thành một khu vực sản xuất cạnh tranh trên thị trường thế giới, khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) đã chính thức được thành lập tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ IV vào năm 1992. Mục tiêu cơ bản của AFTA là tiến hành tự do hóa thương mại trong nội bộ ASEAN bằng việc loại bỏ tất cả các hàng rào thuế quan và phi thuế quan; thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào khu vực bằng việc tạo ra một khối thị trường thống nhất; thúc

đẩy phân công lao động trong nội bộ khối ASEAN và phát huy lợi thế so sánh của từng nước.

a) Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) năm 2009:

Sau khi được triển khai thực hiện từ tháng 01-1992, Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế có hiệu lực chung (CEPT) là hành lang pháp lý để các nước ASEAN cắt giảm thuế quan tiến tới mục tiêu thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN. Thuế suất của hầu hết hàng hóa trong thương mại giữa các nước ASEAN đã giảm xuống 0,5%. Tuy nhiên, Hiệp định CEPT dù đã trải qua hai lần sửa đổi bổ sung vào năm 2003 vẫn bộc lộ một số nhược điểm như chưa hoàn chỉnh về mặt pháp lý, nhiều chương trình sáng kiến hợp tác mới trong ASEAN và các nhân tố mới phát sinh trong hợp tác ASEAN chưa được phân bổ kịp thời. Hơn nữa từ năm 2002, ASEAN chuyển sang một Hiệp định mới là đàm phán thành lập các khu vực thương mại tự do (FTA) với các nước đối tác ngoại khối trong đó ASEAN đều đàm phán và ký kết các hiệp định/chương trình thương mại hàng hóa với nội dung toàn diện, phù hợp với các nguyên tắc đã được các Bộ trưởng ASEAN thông qua là cam kết nội bộ ASEAN phải cao hơn các cam kết mà ASEAN dành cho các nước đối tác. Từ đó, ASEAN nhận thấy nhu cầu phải xây dựng một hiệp định thương mại hàng hóa và toàn diện điều chỉnh tất cả các lĩnh vực về thương mại hàng hóa trong ASEAN. Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) ra đời trên cơ sở đó. ATIGA được đại diện có thẩm quyền của các quốc gia ASEAN ký ngày 26-02-2009 và có hiệu lực từ ngày 17-05-2010. Hiệp định được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa quy định trước đây trong CEPT/AFTA, đồng thời bổ sung thêm những quy định phù hợp với thực tiễn hoạt động thương mại hàng hóa.

Khu vực mậu dịch tự do ASEAN quy định về lộ trình tổng thể cắt giảm, xóa bỏ rào cản thuế quan, phi thuế quan của các thành viên kể từ khi ATIGA có hiệu lực tới năm 2012 (linh hoạt đến năm 2018 đối với các nước gia nhập ASEAN sau gồm: Campuchia, Lào, Mianma, Việt Nam (CLMV)).

Về tự do hóa thuế quan, ngoài những quy định kế thừa lộ trình cắt giảm thuế quan theo CEPT và các hiệp định sửa đổi bổ sung, ATIGA quy định cụ thể hơn dòng thuế được linh hoạt lùi thời hạn xóa bỏ đến năm 2018 đối với các nước CLMV là 7% số dòng thuế thuộc danh mục cắt giảm và cả nước này cũng được lùi thời hạn công bố lộ trình xóa bỏ thuế quan tổng thể thêm sáu tháng kể từ khi

Hiệp định có hiệu lực ATIGA quy định trong trường hợp khó khăn đột xuất hay trong trường hợp đặc biệt, các nước thành viên có quyền điều chỉnh hoặc ngừng cam kết thực hiện nghĩa vụ cắt giảm xóa bỏ thuế quan. Các nước thành viên khác có quyền yêu cầu tham vấn hay đàm phán với nước có điều chỉnh hay tạm ngừng cam kết thực hiện nghĩa vụ, tuy nhiên, yêu cầu đền bù chỉ được đặt ra với các nước có quyền lợi cung cấp đáng kể (1 nước đạt mức xuất khẩu bình quân trong ba năm bằng 209 tổng nhập khẩu mặt hàng liên quan từ ASEAN vào thị trường nước yêu cầu điều chỉnh hay tạm ngừng cam kết thực hiện nghĩa vụ cắt giảm hay xóa bỏ thuế quan) và nếu yêu cầu đền bù trong trường hợp này không được đáp ứng thì nước có quyền lợi cung cấp đáng kể được quyền áp dụng biện pháp trả đũa ở mức độ tương đương thông qua ngừng hoặc điều chỉnh ưu đãi đối với nước đó. Quy định về nghĩa vụ hồi tố được tiếp tục kế thừa từ CEPT, theo đó mỗi thành viên có nghĩa vụ ban hành văn bản pháp lý thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan từ ngày 01-01 hằng năm, trong trường hợp ban hành văn bản muộn hơn ngày 01-01 thì nước đó mặc nhiên phải chấp nhận áp dụng hồi tố từ ngày 01-01, quy định này nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ một cách công bằng mà không vì lý do khách quan hay chủ quan nào khác.

Về quy tắc xuất xứ, ATIGA kế thừa toàn bộ quy tắc xuất xứ đã được sửa đổi và quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ của CEPT, ngoài tiêu chí xuất xứ thuần túy, cộng gồm 40% hàm lượng khu vực đã được quy định về chuyển đổi mã số thuế, quy tắc sản phẩm cụ thể (PSR) được quy định linh hoạt hơn nhằm đảm bảo thực hiện cam kết nội khối phải tương đương hoặc thuận lợi hơn so với cam kết dành cho các nước đối tác trong các khu vực mậu dịch tự do ASEAN cộng.

Về các biện pháp phi thuế quan, ATIGA quy định các nước còn áp dụng hạn ngạch thuế quan (TRG) sẽ gỡ bỏ TRQ theo ba gói thống nhất với chương trình làm việc về xóa bỏ hàng rào thuế quan. Các nước thành viên ASEAN sẽ xóa bỏ hàng rào phi thuế quan theo ba gói với thời gian quy định cụ thể: Brunay, Indonexia, Malaixia, Singapo, Thái Lan sẽ xóa bỏ lần lượt vào các năm 2008, 2009 và 2010; Philippin xóa bỏ lần lượt vào các năm 2010, 2011, 2012; các nước CLMV xóa bỏ lần lượt vào các năm 2013, 2014, 2015, có linh hoạt tới năm 2018.

Ngoài những nội dung cơ bản nêu trên, ATIGA còn có một số quy định khác về ngoại lệ trung, ngoại lệ an ninh, tạo thuận lợi cho thương mại, biện pháp đền bù thương mại, mối liên hệ giữa ATIGA với các hiệp định khác.

b) Hiệp định chung về dịch vụ của ASEAN (AFAS) năm 1995:

Đàm phán mở cửa thị trường dịch vụ nội khối ASEAN được các quốc gia thành viên tiến hành trên cơ sở Hiệp định khung về dịch vụ của ASEAN (AFAS) ký ngày 15-2-1995 và nghị định thư sửa đổi AFAS ký ngày 02-09-2003. Theo mục tiêu đặt ra trong kế hoạch về xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ tiến hành đàm phán 11 gói cam kết cho đến năm 2015. Đối với mỗi gói cam kết, các nước sẽ ký nghị định thư thực hiện gói cam kết và xây dựng biểu cam kết dịch vụ của mình được đáp ứng các yêu cầu đặt ra cho gói cam kết đó. Nguyên tắc đặt ra cho đàm phán là các cam kết phải ở mức cao hơn các cam kết tại WTO.

Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS) với các mục tiêu: thúc đẩy hợp tác dịch vụ giữa các nước thành viên ASEAN (AMS) để nâng cao hiệu quả và cạnh tranh của các ngành công nghiệp dịch vụ ASEAN, đa dạng hóa khả năng sản xuất, sự cung cấp và đóng góp của lĩnh vực dịch vụ cắt giảm các hàng rào hiện có đối với thương mại dịch vụ và tự do hóa thương mại dịch vụ theo cả chiều rộng và chiều sâu dựa trên các cam kết về thương mại dịch vụ của WTO. Bảy lĩnh vực dịch vụ quan trọng được chọn để thực hiện tự do hóa bước đầu bao gồm: tài chính, viễn thông, vận tải hàng hải, vận tải hàng không, du lịch, dịch vụ kinh doanh và dịch vụ xây dựng. Vòng đàm phán thứ nhất về dịch vụ ASEAN tập trung vào bảy lĩnh vực dịch vụ này. Để tiến tới các vòng đàm phán tiếp theo, các Bộ trưởng kinh tế ASEAN đã hoạch định lộ trình áp dụng cho các ngành và phân ngành dịch vụ cũng như các phương thức cung cấp dịch vụ. Lộ trình này kéo dài từ năm 1999 đến năm 2020, bao gồm hai giai đoạn chính:

* Giai đoạn 1999-2001 (ngắn hạn):

+ Tự do hóa các ngành hoặc phân ngành dịch vụ chung trong khuôn khổ Hiệp định AFAS và GATS của WTO. Ngành và phân ngành dịch vụ chung được xác định trên cơ sở có ít nhất bốn nước thành viên đã đưa ra cam kết.

+ Tự do hóa dần phương thức 1 (Mode 1) về cung cấp dịch vụ (cung cấp qua biên giới) và Mode 2 (tiêu dùng ở nước ngoài).

+ Tự do hóa dần trên cơ sở đàm phán đối với phương thức 3 (Mode 3) cung cấp dịch vụ (hiện diện thương mại) và Mode 4 (hiện diện thể nhân).

* Giai đoạn 2001 - 2020: hoàn thành tự do hóa đối với tất cả ngành, phương thức cung cấp dịch vụ vào năm 2020. Tuy nhiên, để tiến tới mục tiêu này, các nước sẽ lựa chọn lộ trình thích hợp cho từng ngành/phân ngành dịch vụ phù hợp với điều kiện của mỗi nước.

Cho đến tháng 6-2015, ASEAN đã hoàn tất gói 9 cam kết dịch vụ theo AFAS. Các am kết về tự do hóa dịch vụ trong ASEAN đã bao trùm nhiều lĩnh vực như dịch vụ kinh doanh, dịch vụ chuyên nghiệp, xây dựng, phân phối, giáo dục, môi trường, vận tải biển, viễn thông và du lịch. Có bốn gói cam kết về vận tải hàng không đã được ký kết. Các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRAS) giữa các nước thành viên ASEAN về tiêu chuẩn, trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, v.v... là một công cụ quan trọng giúp tự do hóa lưu chuyển các dịch vụ chuyên nghiệp trong ASEAN. Hiện nay, các nước ASEAN đã ký các thỏa thuận công nhận lẫn nhau đối với các tiêu chuẩn, kỹ năng, các ngành dịch vụ cơ khí, y tá, kiến trúc, kế toán và du lịch.

Hiện nay, các nước ASEAN đang tiếp tục đàm phán, thúc đẩy việc mở cửa thị trường dịch vụ với mức độ cao hơn mức độ đã cam kết mở cửa của các nước ASEAN trong khuôn khổ WTO.

Liên quan đến lĩnh vực dịch vụ, từ năm 2013, ASEAN tiến hành đàm phán hiệp định thương mại dịch vụ ASEAN (ATIGA) nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của AFAS.

* Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) năm 2009:

ACIA được ký ngày 26-02-2009 là kết quả của sự kế thừa và sửa đổi hai hiệp định: Hiệp định ASEAN về xúc tiến và bảo hộ đầu tư năm 1987 (IGA) và Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN năm 1998 (AIA), cũng như các nghị định thư liên quan. ACIA là một Hiệp định đầu tư toàn diện điều chỉnh các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, khai khoáng và các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực trên.

Theo quy định của ACIA, tự do hóa đầu tư sẽ tiến hành từng bước, hướng tới mục tiêu xây dựng một môi trường đầu tư tự do và mở cửa trong khu vực, phù hợp với các mục tiêu của Cộng đồng kinh tế ASEAN. ACIA cũng cho phép tự do hóa đối với các lĩnh vực khác trong tương lai. ACIA bao gồm các quy định

đầu tư toàn diện dựa trên bốn trụ cột là tự do hóa, bảo hộ, thuận lợi hóa và xúc tiến đầu tư; các thời hạn rõ ràng đối với tự do hóa đầu tư, lợi ích dành cho các nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở tại ASEAN; duy trì các ưu đãi của AIA; khẳng định lại các quy định liên quan của AIA và IGA, như đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc. Bên cạnh đó, ACIA còn bao gồm các điều khoản mới như các quy định về một môi trường đầu tư tự do, thuận lợi, minh bạch và cách tranh hơn nữa trên những kinh nghiệm quốc tế tốt nhất; hoàn thiện các quy định hiện hành của AIA và IGA như tranh chấp đầu tư giữa một nhà đầu tư và một quốc gia thành viên (ISDS) chuyển giao và đối xử đầu tư; điều khoản mới về ngăn cấm các yêu cầu hiệu suất (TRIMS) quy định về đánh giá xem xét các cam kết bổ sung; các quy định về nhân sự quản lý cao cấp và ban giám đốc tạo thuận lợi cho việc di chuyển của các nhà quản lý cấp cao chủ chốt nước ngoài.

Các quy định toàn diện của ACIA tăng cường bảo hộ đầu tư và củng cố niềm tin của các nhà đầu tư khi đầu tư tại khu vực. ACIA cũng sẽ khuyến khích phát triển khối ASEAN, hơn nữa, đặc biệt là giữa các công ty quốc gia có trụ sở tại ASEAN thông qua hợp tác phát triển công nghiệp và chuyên môn hóa, góp phần tăng cường hội nhập kinh tế.

Việt Nam cùng chung quan điểm với các nước thành viên ASEAN khác trong việc tạo ra một thể chế đầu tư tự do, mở cửa hơn nữa nhằm thúc đẩy đầu tư nội khối và thu hút đầu tư nước ngoài vào ASEAN. Quan điểm này xuất phát từ thực tế là không những đầu tư trực tiếp từ ASEAN vào Việt Nam chiếm tỷ trọng rất lớn mà ASEAN còn đồng thời là thị trường đầu tư chủ yếu của các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, do một số đặc thù riêng như việc Việt Nam đang trong tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, môi trường đầu tư v.v... để công nhận là nền kinh tế thị trường, Việt Nam đã thận trọng bảo lưu một số nội dung phù hợp với tình hình phát triển, cơ chế chính sách, pháp luật của mình trong phạm vi cơ chế ưu đãi của hiệp định.

2. Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) năm 2002:

ACFTA được ký vào ngày 01-11-2002 tại Phnom Penh, Campuchia. ACFTA tạo ra nền tảng pháp lý để ASEAN và Trung Quốc đàm phán hiệp định cụ thể nhằm thiết lập khu vực thương mại tự do ASEAN Trung Quốc.

Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Trung Quốc ký ngày 29-11-2004 là một hiệp định cụ thể trong khuôn khổ ACFTA. Hiệp định này quy định mô hình cắt giảm thuế và xóa bỏ các dòng thuế được liệt kê trong cả danh mục thông thường và danh mục nhạy cảm.

a) Danh mục thông thường: thuế suất đối với hầu hết các dòng thuế trong lộ trình này đã được các nước ASEAN- 6 và Trung Quốc xóa bỏ hoàn toàn từ ngày 01-01-2010. Mô hình cắt giảm thuế cũng có điều khoản linh hoạt, cho phép một vài sản phẩm còn lại trong lộ trình này (không quá 150 dòng thuế) được xóa bỏ trước ngày 01-01-2012. Đối với nhóm nước CLMV, việc loại bỏ thuế quan sẽ được hoàn thành trước ngày 01-01-2015 có linh hoạt không quá 250 dòng thuế đến trước ngày 01-01-2018.

b) Danh mục nhạy cảm: các sản phẩm trong lộ trình này tiếp tục được phân loại vào danh mục nhạy cảm (SL) và danh mục nhạy cảm cao (HSL) và sẽ được giảm thuế theo khung thời gian quy định cụ thể trong hiệp định. Thuế suất của sản phẩm trong danh mục SL trước mắt, sẽ được giảm xuống 20% sau đó giảm dần theo mức 0-5%. Đối với các sản phẩm trong danh mục HSL. Thuế xuất sẽ phải giảm xuống không quá 50%. Trong ACFTA, không sản phẩm nào được loại trừ khỏi diện cắt giảm thuế. Quy tắc xuất xứ trong khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc áp dụng giống quy tắc chung là 40% hàm lượng giá trị khu vực, ngoài ra có một lượng hạn chế các mặt hàng áp dụng quy tắc sản phẩm cụ thể.

Hiệp định thương mại dịch vụ giữa ASEAN và trung quốc, ký ngày 14-01-2007, là hiệp định cụ thể thứ hai trong khuôn khổ ACFTA. Hiệp định này quy định việc tự do hóa và xóa bỏ thực chất các biện pháp phân biệt đối xử giữa các bên trong nhiều ngành thương mại dịch vụ khác nhau. Bằng cách áp dụng nguyên tắc GATS cộng, mức độ cam kết tự do hóa theo hiệp định tương đối cao hơn so với cam kết của các nước WTO.

Bên cạnh đó nhằm đẩy mạnh và tạo thuận lợi cho dòng đầu tư, ngày 15-08-2009, ASEAN và Trung Quốc đã ký hiệp định đầu tư tại Băng Cốc Thái Lan. Hiệp định nhằm mục đích tạo lập một môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư và luồng đầu tư của ASEAN và Trung quốc, từ đó, quy định các yếu tố bảo hộ nhằm đảm bảo đối xử công bằng, hợp lý cho các nhà đầu tư, không phân biệt đối xử giữa quốc hữu hóa và đền bù cho người thiệt hại. Hiệp định có các điều

khoản và cho phép chuyển giao và trả lại lợi nhuận tự do kiếm được và bằng loại tiền tệ có thể sử dụng tự do, cũng như điều khoản về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia trong đó cho phép các nhà đầu tư được sử dụng trọng tài.

3. Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA) năm 2005:

Ngày 13-12-2005, ASEAN và Hàn Quốc ký hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện, sau đó là bốn hiệp định cụ thể tạo nền tảng pháp lý hình thành khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc.

Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN- Hàn Quốc (AKFTA) ký ngày 24-8-2006, quy định cách hòa thuận thương mại hàng hóa ưu đãi giữa các nước thành viên ASEAN và Hàn Quốc, trong đó có việc cắt giảm và xóa bỏ thuế suất đối với tất cả các dòng thuế trong một giai đoạn nhất định. Bắt đầu từ ngày 01-01-2010, Hàn Quốc và ASEAN-5 (Brunay, Indonexia, Malaixia, Philipin, Xingapo) đã xóa bỏ thuế của gần 90% các mặt hàng trong lộ trình thông thường. Các thành viên mới của ASEAN là Việt Nam, Campuchia, Lào và Mianma sẽ có thời gian dài hơn để cắt giảm và xóa bỏ thuế quan. Đối với Việt Nam, ít nhất 50% các dòng thuế trong lộ trình thông thường sẽ có thuế từ 0-5% trước ngày 01-01-2013 và đối với Campuchia, Lào, Mianma là trước ngày 01-01-2015. Đến năm 2016 Việt Nam sẽ phải đưa 90% số dòng thuế về mức 0-5% và đạt mức tự do hóa hoàn toàn vào năm 2007. Thời hạn tương tự cho Campuchia, Lào, Mianma sẽ là 90% vào năm 2018 và tự do hóa hoàn toàn vào năm 2020. Thái Lan, do tham gia AKTIG muộn hơn (năm 2007) sẽ có lộ trình giảm thuế khác. Thuế suất đối với các sản phẩm trong lộ trình thông thường sẽ được cắt giảm theo từng giai đoạn và xóa bỏ vào năm 2016, 2017.

Hiệp định thương mại dịch vụ ASEAN - Hàn Quốc tháng 11-2007 (AKTIS) là nền tảng để tiếp tục mở cửa thị trường của hai bên cho các nhà cung cấp dịch vụ của ASEAN và Hàn Quốc. Xây dựng trên cơ sở các cam kết theo Gats của WTO, trong AKTIS, cả ASEAN và Hàn Quốc đều cam kết sâu rộng hơn thông qua việc bổ sung các ngành/phân ngành mới như kinh doanh, xây dựng, giáo dục, dịch vụ viễn thông, môi trường, dịch vụ du lịch và dịch vụ giao thông vận tải.

Nhằm mục đích tạo lập một môi trường minh bạch thuận lợi ổn định hơn cho các nhà đầu tư và nguồn vốn từ ASEAN và Hàn Quốc, hai bên đã ký kết

hiệp định đầu tư ASEAN- Hàn Quốc (AK-AI) vào ngày 02-06-2009. Nội dung chính của AK-AI là các quy định về bảo hộ đầu tư như các điều khoản về đối xử công bằng bảo vệ đầy đủ và an toàn cho nguồn đầu tư, chuyển giao quỹ liên quan đến nguồn đầu tư. Hiệp định có hiệu lực từ ngày 01-9-2009. Hiện nay, ASEAN- Hàn Quốc tiếp tục thảo luận nhằm hoàn thiện các nội dung dự kiến hợp tác, trong đó có vấn đề xây dựng cam kết mở cửa thị trường hoặc lộ trình loại bỏ các bảo lưu. Trong vòng 5 năm kể từ khi ký hiệp định có hiệu lực, ASEAN và Hàn Quốc sẽ thảo luận và hoàn thành những nội dung này.

Hiệp định về cơ chế giải quyết tranh chấp ASEAN- Hàn Quốc ký ngày 13-12-2005, đưa ra cơ chế giải quyết các tranh chấp cổ thể phát sinh giữa các bên trong quá trình triển khai hoặc áp dụng các hiệp định nói trên, kể cả hiệp định khung.

4. Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN- Nhật Bản (AJCEP) năm 2008:

AJCEP ký ngày 03-04-2008 là hiệp định toàn diện, chứa đựng các quy tắc căn bản về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư và hoạt động hợp tác kinh tế khác. Trong đó quan trọng nhất là các cam kết về lộ trình giảm thuế, tiến tới loại bỏ phần thuế nhập khẩu giữa các nước ASEAN và Nhật Bản cơ bản trở thành một khu vực thương mại tự do về hàng hóa.

Liên quan đến thương mại hàng hóa, Biểu cam kết Việt Nam trong AJCEP bao gồm 9.390 dòng thuế (dựa trên AHTN năm 2007) trong đó, dựa vào lộ trình cắt giảm đối với 8.771 dòng thuế. Số dòng thuế còn lại là các dòng thuế CKD ô tô (57 dòng) và các dòng thuế không cam kết cắt giảm (562 dòng), cụ thể:

a) **Danh mục xóa bỏ thuế quan:** Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan đối với 62,2 % số dòng thuế trong vòng 10 năm, trong đó, xóa bỏ thuế quan ngay khi AJCEP có hiệu lực đối với 26,3% dòng thuế và xóa bỏ thuế quan sau 10 năm thực hiện AJCEP (2018) đối với 33,8% dòng thuế. Vào năm 2023 và 2024 (sau 15, 16 năm thực hiện AJCEP) cam kết xóa bỏ 25,7% và 0,7% dòng thuế tương ứng.

Như vậy, vào năm cuối lộ trình (năm 2025) số dòng thuế được xóa bỏ thuế quan chiếm 88,6 % số dòng thuế trong tổng Biểu cam kết;

b) **Danh mục nhạy cảm thường (SL)** chiếm 0,6% số dòng thuế được duy trì ở mức thuế suất cơ sở và xuống 5% vào năm 2025;

c) Danh mục nhạy cảm cao (HSL) chiếm 0,8% số dòng thuế được duy trì mức thuế suất cao (giảm xuống 50% vào năm 2023);

d) Danh mục không xóa thuế quan, thuế suất duy trì ở mức thuế suất cơ ở trong cả lộ trình (C) chiếm 3,3 % số dòng thuế;

đ) Danh mục loại trừ chiếm 6,0% số dòng thuế.

AJCEP cũng quy định một số điều khoản liên quan đến nghĩa vụ minh bạch hóa, trao đổi thông tin, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, các chương trình hợp tác kinh tế và cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc triển khai các nội dung này cũng góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh đầu tư thông thoáng của khu vực. Các quy định này tương đồng với những cam kết của Việt Nam trong WTO và các FTA khác mà ta đã tham gia. Đặc biệt, đây là lần đầu tiên Nhật Bản chấp nhận có cam kết hợp tác trong vấn đề vệ sinh, an toàn thực phẩm, tạo cơ hội cho hàng nông sản của ASEAN thâm nhập tốt hơn vào thị trường Nhật Bản.

Nhìn chung, các nghĩa vụ của Việt Nam trong khuôn khổ AJCEP là phù hợp với chuẩn mực thương mại chung của WTO, pháp luật trong nước và điều kiện hiện tại của Việt Nam.

5. Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Ôxtraylia – Niu Đilan (AANZFTA) năm 2009:

AANZFTA được ký kết vào ngày 27-02-2009 Tại Thái Lan, có hiệu lực từ ngày 01-01-2010. Hiệp định bao gồm các cam kết về thương mại hóa, thương mại dịch vụ, thương mại điện tử, di chuyển thể nhân, đầu tư, hợp tác kinh tế, cơ chế giải quyết tranh chấp và các điều khoản cụ thể về thủ tục hải quan, các biện pháp vệ sinh dịch tễ, tiêu chuẩn kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ cạnh tranh.

Theo AANZFTA, ASEAN - Ô xtraylia – Niu Đilan cam kết từng bước tự do hóa thuế quan từ ngày ký hiệp định có hiệu lực và xóa bỏ ít nhất 90% thuế xuất của các dòng thuế trong khung thời gian cụ thể. Đối với thương mại, dịch vụ các bên thống nhất sẽ từng bước tự do hóa các rào cản thương mại dịch vụ và cho phép nhà cung cấp tiếp cận thị trường thuận lợi hơn. Đặc biệt AANZFTA là hiệp định đầu tiên tham gia các hoạt động thương mại đầu tư trong khu vực. AANZFTA cũng đưa ra các quy định tiến bộ như đối xử trong đầu tư, đền bù cho người thiệt hại, chuyển giao quyền hoặc yêu cầu đầu tư. Một nội dung quan trọng mà ASEAN thống nhất được với Oxtraylia và Niu-dilân là tạo thuận lợi

cho dòng luân chuyển hàng hóa thông qua việc áp dụng các điều khoản cụ thể về quy tắc xuất xứ, thủ tục hải quan, các biện pháp SPS, tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá hợp chuẩn. Đây là cam kết rất có ý nghĩa vì Ostraylia và Niu dylan nằm trong số các quốc gia có yêu cầu về SPS và tiêu chuẩn kỹ thuật chặt chẽ nhất trên thế giới.

Nội dung quan trọng nhất của AANZFTA là cam kết cắt giảm thuế quan. Cụ thể, các nước tham gia theo bốn nhóm bao gồm (i) Ostraylia và Niu dylan; (ii) ASEAN-6; (iii) Việt Nam; (iv) CLM. Từng nước ASEAN và Ostraylia và Niu dylan đều đưa ra biểu cam kết của mình, gồm hai danh mục là danh mục cắt giảm thuế quan và danh mục nhạy cảm. Về phạm vi, tỷ lệ danh mục cắt giảm thuế quan trong danh mục nhạy cảm (NT/ST) là 90/10 trong số 10% số dòng thuế thuộc danh mục nhạy cảm thì 6% số dòng thuế thuộc lộ trình nhạy cảm (ST1) và 4% số thuế thuộc lộ trình nhạy cảm cao (ST2) . Trong số 4% dòng thuế thuộc ST2 có 1% số dòng thuế thuộc loại trừ khỏi nghĩa vụ cắt giảm/ xóa bỏ thuế quan. Trên thực tế, các nước Ostraylia và Niu dylan và ASEAN-6 đã cam kết số dòng thuế thuộc danh mục NT lớn hơn mức 90% (96%-98%).

Đối với Việt Nam danh mục cắt giảm thông thường NT thuế quan vào năm 2018 và 5% số dòng còn lại sẽ xóa bỏ thuế quan vào năm 2020. Các mặt hàng thuộc lộ trình nhạy cảm thường (ST1) của Việt Nam sẽ được giảm thuế dần dần xuống mức thuế cuối cùng (5% vào năm 2022, bao gồm hải sản, thịt cá đóng hộp, một số loại dược phẩm, khí dầu mỏ, nhựa nguyên liệu, sắt thép, giấy, một số loại sắt thép, sản phẩm sắt thép, phụ tùng, động cơ ô tô, xe máy, ô tô trọng tải lớn, xe chuyên dụng, xe máy phân khối lớn. Các mặt hàng thuộc lộ trình nhạy cảm cao (ST2) của Việt Nam sẽ được duy trì mức thuế suất cao, bao gồm các mặt hàng thịt gà, hoa quả (cam, quýt), rượu bia, thuốc lá, đường, sắt, thép, ô tô chở người, xe tải dưới 10 tấn, tàu thuyền đánh bắt thủy sản. Ngoài ra, Việt Nam cũng cam kết xóa bỏ thuế quan vào năm 2016 cho một số sản phẩm mà Ostraylia và Niudilan đặc biệt quan tâm như: thịt bò, thịt cừu, sữa nguyên liệu, sản phẩm sữa, gỗ ván dăm.

Theo đánh giá chung, AANZFTA sẽ đem lại các lợi ích chính cho ASEAN và Ostraylia và Niudilan như mở cửa thị trường sâu rộng hơn cho các nhà xuất khẩu/sản xuất trong khu vực, thúc đẩy cắt giảm chi phí sản xuất tạo cơ hội mở rộng mạng lưới công việc và tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong khu vực. AANZFTA sẽ giúp tạo lập môi trường kinh doanh vững chắc, minh

bạch và có thể dự đoán được thông qua thúc đẩy hoạt động kinh tế của các bên, các doanh nghiệp. Với thực trạng quan hệ thương mại song phương Việt Nam – Ostraylia cũng như Việt Nam – Niu dylan, AANZFTA sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp. Theo tính toán, đối với Ostraylia, các doanh nghiệp của Việt Nam sẽ thu được nhiều lợi ích nhất trong việc thúc đẩy xuất ích, xuất khẩu chính của Việt Nam sẽ là hàng dệt may, giày dép, gỗ, máy móc, thiết bị, phụ tùng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp người tiêu dùng Việt Nam sẽ được tiếp cận máy móc. Nguyên vật liệu và hàng hóa chất lượng cao, công nghệ tiên tiến với giá cả hợp lí hơn.

6. Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ (AIFTA) năm 2003:

AIFTA được ký vào ngày 08-10-2003 theo đó, xác định AIFTA là khu vực thương mại tự do toàn diện gồm tự do hóa thương mại hàng hóa đầu tư hợp tác kinh tế. Trên cơ sở hiệp định khung này, đã tiến hành đàm phán hiệp định thương mại hàng hóa giữa hai bên.

Tại hội nghị bộ trưởng kinh tế ASEAN - Ấn Độ tổ chức tháng 8-2009 hai bên đã ký hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIG) hiệp định cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ hiệp định chung về hợp tác toàn diện ASEAN - Ấn Độ (DSM), Bản ghi nhớ về điều 4 hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIG) và nghị định thư sửa đổi hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ. Đến tháng 9-2014, ASEAN - Ấn Độ tiếp tục ký hiệp định tự do thương mại dịch vụ và đầu tư.

AITIG là cấu thành quan trọng nhất trong số các hiệp định/văn kiện nói trên. Hiệp định gồm 24 điều với nội dung chính là thiết lập lộ trình cam kết giảm thuế đã được các nước ASEAN - Ấn Độ thống nhất. Ngoài ra, cũng quy định về quy tắc xuất xứ, thủ tục và cơ chế giải quyết tranh chấp, các biện pháp phi thuế quan, minh bạch hóa, chính sách rà soát.

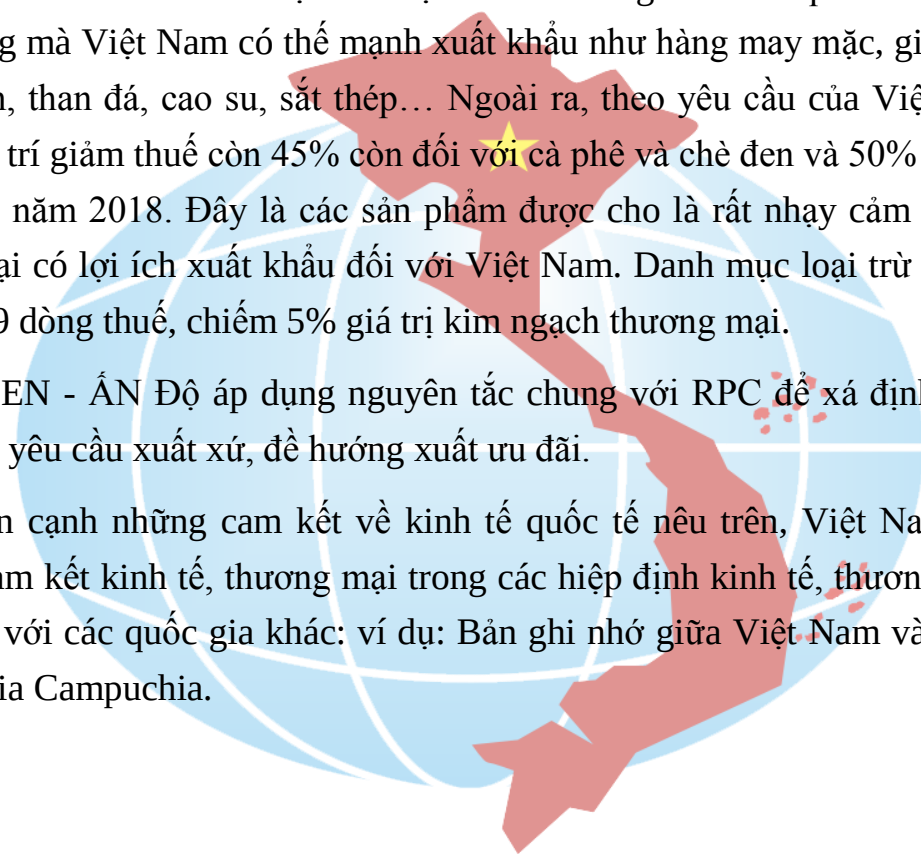
Theo AITIG lộ trình giảm thuế được chia theo năm danh mục có thời gian và mức độ giảm thuế khác nhau, bao gồm danh mục giảm thuế thông thường, danh mục nhạy cảm, danh mục nhạy cảm cao, danh mục các sản phẩm loại trừ. Với tư cách là nước thành viên mới của ASEAN, Việt Nam được cắt giảm thuế theo lộ trình dài hơn 5 năm so với các nước ASEAN - Ấn Độ. Tuy có dài nhưng Việt Nam vẫn được hưởng đầy đủ ưu đãi từ cam kết giảm thuế Ấn Độ và các

nước khác. Danh mục giảm thuế thông thường của Việt Nam gồm 80% sẽ giảm xuống còn 0% ngày 31-12-2017. Trong đó 9% tổng số dòng thuế sẽ được linh hoạt giảm xuống 0% ngày 31 -12- 2020. Danh mục loại trừ của Việt Nam gồm 485 dòng thuế là những sản phẩm không thuộc đối tượng cắt giảm thuế. Với diện loại trừ rộng, hầu hết các sản phẩm mà Việt Nam có nhu cầu bảo hộ đều đưa vào danh mục EL.

Về cam kết của Ấn Độ: Ấn Độ cam kết cắt giảm thuế quan đối với nhiều mặt hàng mà Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu như hàng may mặc, giày dép, gỗ, thủy sản, than đá, cao su, sắt thép... Ngoài ra, theo yêu cầu của Việt Nam, Ấn Độ nhất trí giảm thuế còn 45% còn đối với cà phê và chè đen và 50% đối với hạt tiêu vào năm 2018. Đây là các sản phẩm được cho là rất nhạy cảm với Ấn Độ nhưng lại có lợi ích xuất khẩu đối với Việt Nam. Danh mục loại trừ của Ấn Độ gồm 489 dòng thuế, chiếm 5% giá trị kim ngạch thương mại.

ASEN - Ấn Độ áp dụng nguyên tắc chung với RPC để xác định hàng hóa đáp ứng yêu cầu xuất xứ, đề hướng xuất ưu đãi.

Bên cạnh những cam kết về kinh tế quốc tế nêu trên, Việt Nam cũng có nhiều cam kết kinh tế, thương mại trong các hiệp định kinh tế, thương mại song phương với các quốc gia khác: ví dụ: Bản ghi nhớ giữa Việt Nam và chính phủ hoàng gia Campuchia.



TTBD ĐBDC

